**2. Thủ tục: Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m3/ngày đêm**

**a.** **Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

+ Tổ chức, cá nhân (gọi chung là Chủ dự án) đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất nộp hồ sơ và phí thẩm định hồ sơ theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa Trung tâm Hành chính công tỉnh (Địa chỉ: Số 519 Tổ 5 Phường Nguyễn Trãi thành phố Hà Giang tỉnh Hà Giang).

Cán bộ thuộc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra về số lượng và thành phần hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì không tiếp nhận, cán bộ Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm hướng hướng dẫn chủ dự án bổ sung, hoàn chỉnh theo quy định (thực hiện hướng dẫn một lần bằng phiếu hướng dẫn).

Bước 2: Kiểm tra hồ sơ đề nghị thẩm định

Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra chi tiết hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thẩm định, trong thời hạn tối đa Ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo cho Chủ dự án để bổ sung, chỉnh sửa. Chủ dự án có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu và nộp lại hồ sơ đến Trung tâm Hành chính công tỉnh từ Bước 1.

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, đảm bảo tính hợp pháp, đủ điều kiện tổ chức thẩm định thì tổ chức thẩm định.

Bước 3: Thẩm định báo cáo đối với trường hợp gia hạn, điều chỉnh giấy phép:

+ Trong thời hạn mười năm (15) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo, nếu cần thiết kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định báo cáo. Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép thì trình cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển hồ sơ sang Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa tại Trung tâm Hành chính công tỉnh trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do không gia hạn, điều chỉnh giấy phép;

+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười năm (15) ngày làm việc;

+ Trường hợp phải lập lại báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

Bước 4: Quyết định cấp Giấy phép gia hạn, điều chỉnh

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh quyết định cấp giấy phép do Sở Tài nguyên và Môi trường trình, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm xem xét hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định cấp giấy phép gia hạn, điều chỉnh. Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.

Bước 5: Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp Giấy phép gia hạn, điều chỉnh

Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định cấp giấy phép gia hạn, điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền, Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển quyết định cấp giấy phép gia hạn, điều chỉnh đến Trung tâm Hành chính công tỉnh để trả kết quả, Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép gia hạn, điều chỉnh để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận quyết định cấp giấy phép gia hạn, điều chỉnh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

Từ thứ 2 - thứ 6 trong ngày làm việc (trừ ngày lễ, ngày nghỉ)

Buổi sáng: từ 7h30 - 11h30

Buổi chiều: từ 13h30 - 17h00

**b.** **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một Trung tâm Hành chính công tỉnh.

**c.** **Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép;

- Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép;

- Bản sao giấy phép đã được cấp.

**d. Số lượng hồ sơ:** 02 (hai) bộ hồ sơ.

**đ.** **Thời hạn giải quyết:**

Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kề từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

Thời hạn thẩm định đề án*:* Trong thời hạn mười năm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án: không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là mười năm (15) ngày làm việc.

Thời hạn quyết định cấp giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy phép của Sở Tài nguyên và Môi trường trình, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp giấy phép.

Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển kết quả đến Trung tâm Hành chính công tỉnh có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

**e.** **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**g.** **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Hà Giang.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh.

+ Cơ quan phối hợp (nếu có): Các cơ quan có liên quan.

**h.** **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thăm dò nước dưới đất (gia hạn/điều chỉnh).

**i. Phí:** Thực hiện theo Nghị quyết số 210/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Hà Giang.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Tên phí, lệ phí | Đơn vị tính | Mức thu  (đồng) |
| I. Cấp giấy phép | | | |
| 1 | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép | Giấy phép | 75.000 |
| II. Thẩm định đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh thăm dò nước dưới đất | | | |
| 1 | Đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200 m3/ngày đêm. | Đề án | 200.000 |
| 2 | Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m3 đến dưới 500 m3/ngày đêm. | Đề án, báo cáo | 700.000 |
| 3 | Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m3 đến dưới 1.000 m3/ngày đêm. | Đề án, báo cáo | 1.700.000 |
| 4 | Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m3 đến dưới 3.000 m3/ngày đêm. | Đề án, báo cáo | 3.000.000 |

**k.** **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất: mẫu 02 Thông tư 27/2014/TT-BTNMT.

- Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép: mẫu 24 Thông tư 27/2014/TT-BTNMT.

- Giấy phép thăm dò nước dưới đất ( gia hạn, điều chỉnh): mẫu 13 Thông tư 27/2014/TT-BTNMT.

**l.** **Yêu cầu, điều kiện gia hạn/ điều chỉnh:**

Có báo cáo phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước đã được phê duyệt hoặc phù hợp với khả năng nguồn nước, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước nếu chưa có quy hoạch tài nguyên nước. Báo cáo phải do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường lập; thông tin, số liệu sử dụng để báo cáo phải bảo đảm đầy đủ, rõ ràng, chính xác và trung thực.

Riêng với trường hợp gia hạn, tổ chức, cá nhân còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Giấy phép vẫn còn hiệu lực và hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép được nộp trước thời điểm giấy phép hết hiệu lực ít nhất chín mươi (90) ngày;

+ Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến giấy phép đã được cấp theo quy định của pháp luật và không có tranh chấp;

+ Tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước của tổ chức, cá nhân phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước, khả năng đáp ứng của nguồn nước.

Đối với trường hợp khác với quy định nêu trên thì tổ chức, cá nhân thăm dò nước dưới đất phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mới.

- Việc điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất khi thuộc các trường hợp sau đây:

+ Điều kiện mặt bằng không cho phép thi công một số hạng mục trong đề án thăm dò đã được phê duyệt;

+ Có sự khác biệt giữa cấu trúc địa chất thủy văn thực tế và cấu trúc địa chất thủy văn dự kiến trong đề án thăm dò đã được phê duyệt;

+Khối lượng hạng mục thăm dò thay đổi vượt quá 10% so với khối lượng đã được phê duyệt.

**m.** **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;

- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường;

- Nghị quyết số 210/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh Hà Giang Quy định về phí thẩm định đề án, báo cáo và lệ phí cấp giấy phép đối với hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

**Mẫu 02**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
--------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THĂM DÒ**

**NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

**Kính gửi:.**.........................................................................................(1)

**1. Thông tin về chủ giấy phép:**

1.1. Tên chủ giấy phép: …............................................................................

1.2. Địa chỉ: ………..........…………...............................…....……........….

1.3. Điện thoại: …………..… Fax: ……….......... Email: …........................

1.4. Giấy phép thăm dò nước dưới đất số:.......... ngày....... tháng....... năm........do *(tên cơ quan cấp giấy phép)* cấp.

**2. Lý do đề nghị gia hạn/ điều chỉnh giấy phép:.**......................................

**3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:**

- Thời hạn đề nghị gia hạn: …….tháng/năm *(trường hợp đề nghị gia hạn).*

- Nội dung đề nghị điều chỉnh:…... *(trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép).*

**4. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo Đơn này gồm có:**

- Bản sao giấy phép đã được cấp.

- Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép.

- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

**5. Cam kết của chủ giấy phép:**

- *(Chủ giấy phép)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Chủ giấy phép)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Khoản 4 Điều 14 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

- *(Chủ giấy phép)* đã gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố...................................................................................... (2)

Đề nghị *(tên cơ quan cấp phép)* xem xét, gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất cho *(tên chủ giấy phép)*./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *......., ngày....... tháng....... năm........* **Chủ giấy phép** *Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)* |

**HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:**

(1) Tên cơ quan cấp phép: Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp gia hạn/điều chỉnh giấy phép thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp tỉnh đối với trường hợp gia hạn/điều chỉnh giấy phép thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh *(theo quy định tại Điều 28 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước).*

(2) Phần ghi này áp dụng cho trường hợp gia hạn/điều chỉnh giấy phép thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Mẫu 24**

**(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)**

(Trang bìa trong)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH**

**TRONG GIẤY PHÉP**

………………..[[1]](#footnote-2)(1)

**(Trường hợp gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất)**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP *Ký (đóng dấu nếu có)* | ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO *Ký, đóng dấu* |

Địa danh, tháng…./năm…..

**HƯỚNG DẪN**

NỘI DUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH TRONG GIẤY PHÉP

*(Trường hợp gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất)*

**Mở đầu**

1. Trình bày các thông tin của chủ giấy phép thăm dò nước dưới đất *(tên chủ giấy phép, địa chỉ trụ sở chính, lĩnh vực hoạt động đối với tổ chức/họ tên, số CMND, địa chỉ thường trú đối với cá nhân)*.

2. Trình bày các nội dung, thông tin chủ yếu của giấy phép thăm dò nước dưới đất đã được cấp gồm: số giấy phép, ngày cấp, cơ quan cấp, thời hạn còn lại của giấy phép; vị trí, mục đích, quy mô thăm dò, tầng chứa nước thăm dò; nội dung, khối lượng các hạng mục thăm dò chủ yếu theo giấy phép thăm dò.

3. Khái quát các nội dung cơ bản của báo cáo, bao gồm các nội dung chủ yếu về tình hình thực hiện giấy phép thăm dò, lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép, nội dung đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép.

4. Trình bày đầy đủ các thông tin về năng lực của tổ chức/cá nhân thi công thăm dò, tổ chức/cá nhân lập báo cáo và đánh giá việc đáp ứng các điều kiện theo quy định.

**I. Tình hình thực hiện giấy phép thăm dò nước dưới đất**

1. Trình bày tổng quan về tình hình thực hiện giấy phép thăm dò nước dưới đất và các vấn đề liên quan đến việc thực hiện nội dung, khối lượng các hạng mục thăm dò trong quá trình thi công thăm dò nước dưới đất.

2. Thuyết minh, trình bày cụ thể các vấn đề, thông tin, số liệu về tình hình thực hiện giấy phép thăm dò nước dưới đất, với các nội dung chủ yếu sau:

a) Tình hình thi công đối với từng hạng mục thăm dò, gồm các thông tin: ngày bắt đầu thi công, phương pháp thi công, việc tuân thủ quy trình, quy phạm kỹ thuật khi thi công, kết quả đạt được, tiến độ thực hiện so với kế hoạch và các vấn đề khó khăn, sự cố gặp phải trong quá trình thi công;

b) Nội dung, khối lượng các hạng mục thăm dò chưa thực hiện và trình bày rõ lý do chưa thực hiện;

c) Lập bảng tổng hợp nội dung, khối lượng các hạng mục thăm dò đã thực hiện và chưa thực hiện.

3. Đánh giá tình hình chấp hành các nội dung quy định trong giấy phép thăm dò nước dưới đất.

4. Tổng hợp, đánh giá xác định rõ những nội dung khác biệt giữa thiết kế và thi công thực tế của các hạng mục công tác, đề xuất phương án điều chỉnh trong quá trình thăm dò.

**II. Lý do đề nghị gia hạn/ điều chỉnh giấy phép thăm dò**

1. Trình bày các lý do liên quan đến việc đề nghị gia hạn/ điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất *(điều kiện mặt bằng thi công khó khăn; có sự khác biệt về cấu trúc địa chất thủy văn thực tế so với dự kiến; khối lượng thăm dò thay đổi vượt quá 10% so với phê duyệt hoặc các lý do khác)*.

2. Thuyết minh các hạng mục thăm dò đề nghị điều chỉnh *(khoan, bơm,...)* và các nội dung điều chỉnh *(trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép)*.

**III. Nội dung đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò**

1. Trình bày thời gian đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò nước dưới đất:.... tháng/năm *(đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò)*.

2. Trình bày cụ thể các nội dung đề nghị điều chỉnh và thuyết minh rõ trình tự, thời gian thực hiện, yêu cầu kỹ thuật đối với từng hạng mục thăm dò điều chỉnh, kèm theo bảng tổng hợp nội dung, khối lượng điều chỉnh *(trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò).*

3. Thuyết minh, mô tả sơ đồ bố trí công trình thăm dò (trường hợp điều chỉnh có sự thay đổi về sơ đồ bố trí công trình thăm dò).

4. Thuyết minh, mô tả việc điều chỉnh thiết kế công trình thăm dò (trường hợp điều chỉnh có sự thay đổi về thiết kế công trình thăm dò hoặc điều chỉnh chiều sâu thăm dò).

**Kết luận và kiến nghị**

**--------------------------------------------**

**Phụ lục kèm theo Báo cáo**

1. Sơ đồ bố trí công trình thăm dò tỷ lệ 1: 25.000 hoặc lớn hơn (trường hợp có sự thay đổi về sơ đồ bố trí công trình thăm dò);

2. Bản vẽ thiết kế công trình thăm dò (trường hợp có sự điều chỉnh thiết kế/chiều sâu thăm dò).

**Mẫu 13**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ………/…………. | *…………., ngày… tháng… năm……* |

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

***(gia hạn/điều chỉnh/cấp lại)***

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP**

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường *(trường hợp cơ quan cấp phép là Bộ Tài nguyên và Môi trường)*/Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003 *(trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh)*;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số......... ngày..... tháng..... năm..... của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ …………………………………………….…; Xét Đơn đề nghị *(gia hạn/điều chỉnh/cấp lại)* giấy phép thăm dò nước dưới đất của *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)* ngày….. tháng…. năm…… và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước *(trường hợp cơ quan cấp phép là Bộ Tài nguyên và Môi trường)*/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường *(trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh)*,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)*, địa chỉ tại *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú)* thăm dò nước dưới đất theo đề án *(tên đề án)*, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích thăm dò:......................................................................................

2. Quy mô thăm dò:........................................................................................

3. Vị trí công trình thăm dò *(ghi rõ địa chỉ cụ thể hoặc thôn/ấp..., xã/phường..., huyện/quận..., tỉnh/thành phố...., nơi bố trí công trình thăm dò; trường hợp công trình thăm dò bố trí trong nhiều đơn vị hành chính thì ghi cụ thể các đơn vị hành chính nơi đặt các công trình thăm dò và tọa độ các điểm góc giới hạn phạm vi bố trí công trình thăm dò theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục, múi chiếu).*

*(có sơ đồ bố trí công trình thăm dò kèm theo)*

4. Tầng chứa nước thăm dò:........................................................................

5. Khối lượng các hạng mục thăm dò chủ yếu gồm:

*(có bảng tổng hợp khối lượng thăm dò kèm theo).*

6. Thời hạn của giấy phép là 01 năm *(đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép)*/giấy phép có hiệu lực đến …………*(đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép hoặc cấp lại giấy phép).*

**Điều 2.** Các yêu cầu cụ thể đối với *(tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép):*

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

2. Thực hiện việc lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định *(đối với trường hợp công trình có quy mô từ 12.000 m3/ngày đêm trở lên và không có yếu tố bí mật quốc gia);*

3. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP;

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến thiết kế, thi công công trình thăm dò;

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Cục Quản lý tài nguyên nước *(trường hợp cơ quan cấp phép là Bộ Tài nguyên và Môi trường)*/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố *(trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh);*

6. Các yêu cầu khác để bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống sụt lún đất, ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước liên quan đến việc thăm dò *(nếu có yêu cầu cụ thể khác ngoài các quy định tại các khoản từ Khoản 1 đến Khoản 6 của Điều này);*

……………………………………………………………………………

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép thăm dò nước dưới đất số…., ngày… tháng…. năm do *(tên cơ quan cấp phép)* cấp. *(Thủ trưởng tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép, thủ trưởng các đơn vị liên quan)* căn cứ Quyết định thi hành./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - (Tên chủ giấy phép);  - Cục Quản lý tài nguyên nước *(trường hợp giấy phép do UBND tỉnh/thành phố cấp);*  - Sở TN&MT tỉnh/thành phố… *(trường hợp giấy phép do Bộ TN&MT cấp);*  - Cục thuế tỉnh/ thành phố;  -........................................;  - Lưu: VT, hồ sơ cấp phép; cơ quan trình cấp phép. | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP** *(ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |

1. (1) Ghi công trình, vị trí và lưu lượng thiết kế [↑](#footnote-ref-2)